**QUY TRÌNH**

**SỬA CHỮA TÀU TRÊN ĐÀ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BIÊN SOẠN** | **KIỂM TRA** | **TỔNG GIÁM ĐỐC PHÊ DUYỆT** |
|  |  |  |
| **Chu Thế Nga** | **Nguyễn Ngọc Ánh** | **Nguyễn Cảnh Tĩnh** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiên bản** | **Trang** | **Nội dung sửa đổi** |
|  |  | Xây dựng lần đầu |
|  |  |  |
|  |  |  |

**I. Mục tiêu**

Thống nhất những nội dung cơ bản, trình tự thực hiện việc các công việc sửa chữa tàu để đảm bảo việc sửa chữa tàu đảm bảo chất lượng sửa chữa, kiểm soát chi phí, tuân thủ đúng các quy định của quốc gia và quốc tế

**II. Đối tượng áp dụng**

Áp dụng đối với các doanh nghiệp thành viên thuộc khối Vận tải biển của VIMC.

**III. Tài liệu liên quan**

- ISM Code

- MLC 2006

**IV. Chú thích**

**1. Giải thích thuật ngữ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cụm từ viết tắt** | **Giải thích** |
| BM | Biểu mẫu |
| ISM Code | Bộ luật quản lý an toàn quốc tế |
| MLC 2006 | Công ước lao động hàng hải 2006 |
| BPQLKTT | Bộ phận quản lý kỹ thuật tàu |
| TGĐ/GĐ | Tổng giám đốc/Giám đốc |
| TV | Thuyền viên bao gồm: thuyền trưởng, các sỹ quan và các chức danh khác được bố trí làm việc trên tàu. |
| RACI | Ma trận RACI là một kỹ thuật nhằm làm rõ các công việc, trách nhiệm, quyền hạn của các cá nhân hoặc đơn vị, viết tắt của các chữ:  + R = Responsible: Đơn vị/Cá nhân chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công việc.  + A = Accountable: Đơn vị/Cá nhân trực tiếp thực hiện thẩm quyền quyết định/phê duyệt.  + C = Consulted: Đơn vị/Cá nhân được lấy ý kiến tham mưu.  + I = Informed: Đơn vị/Cá nhân được cung cấp thông tin khi có quyết định/phê duyệt. |

**2. Giải thích lưu đồ**

Bắt đầu/Kết thúc

Các bước xử lý

Kết nối các

bước xử lý

Điều kiện rẽ nhánh

Tài liệu đính kèm

Quy trình tiếp nối

**V. Nội dung Quy trình**

**1. Sơ đồ Quy trình** *(trang bên)*



**2. Diễn giải các bước**

| **Bước thực hiện** | **Mô tả** | **Đối tượng thực hiện** |
| --- | --- | --- |
| **Bước 1:** Lập và phê duyệt dự trù kinh phí, kế hoạch lên đà năm | Trước 31/12 hàng năm, lập kế hoạch lên đà sửa chữa cho các tàu được sửa chữa vào năm sau (theo biểu mẫu BM.01 - KHHN ) | BPQLKTT & TGĐ/GĐ |
| **Bước 2:** Lập danh mục sửa chữa và gửi chào giá  Bước 2.1: khảo sát và lập danh sách đối tác  **Bước 2.2: chào giá** | - Trước kế hoạch lên đà 3 tháng BPQLKTT tiến hành khảo sát cùng thuyền viên trên tàu và lập các hạng mục sửa chữa (theo Biểu mẫu BM.02-HMSC - danh mục sửa chữa) dựa trên:  - Các hạng mục còn tồn tại chưa khắc phục được, đặc biệt lưu ý đến các tồn tại của kỳ lên đà lần trước, các yêu cầu của đăng kiểm theo qui phạm, Hội P&I, bên vetting/ đánh giá tàu, các phòng liên quan…  + Tình trạng tàu và vùng hoạt động dự kiến của tàu;  + Danh mục yêu cầu sửa chữa trên đà theo đề nghị của Thuyền trưởng/ Máy trưởng.  - Căn cứ vào danh mục sửa chữa nêu trên, năng lực, vị trí, kinh nghiệm, … của đối tác cung cấp dịch vụ đã từng hợp tác với DN. BPQLKTT lập Danh sách các đối tác cung cấp dịch vụ sửa chữa và tiến hành gửi bản chào.  Hồ sơ chào sửa chữa được gửi bằng bản mềm tại cùng một thời điểm, ghi rõ hạn gửi bản báo giá, Bản chào được bảo mật.  - Bản báo giá hợp lệ từ đối tác cung cấp dịch vụ là Bản có đầy đủ thông tin của đơn vị sửa chữa đúng thời hạn đã được thông báo. | BPQLKTT & TGĐ/GĐ |
| **Bước 3:** Tổng hợp danh sách nhà cung cấp dịch vụ | - Sau khi nhận được báo giá sửa chữa, BPQLKTT tiến hành rà soát, sàng lọc và lập báo cáo so sánh. Báo giá các hạng mục sửa chữa theo Biểu mẫu BM.03-BCSS của các đối tác cung cấp dịch vụ. | BPQLKTT |
| **Bước 4:** Lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ | - Tổ chức họp với các bộ phận liên quan để lựa chọn đối tác cung cấp dịch vụ. Quyết định chọn đối tác cung cấp dịch vụ được xét trên các tiêu chí: đơn giá sửa chữa, thời gian sửa chữa, thời gian tiếp nhận tàu, thời gian di chuyển tàu, điều kiện thanh toán, …  - Căn cứ kết quả lựa chọn đối tác cung cấp dịch vụ, BPQLKTT trình TGĐ/GĐ phê duyệt lựa chọn đối tác cung cấp dịch vụ.  Thông báo cho NCC kết quả lựa chọn | BPQLKTT & Hội đồng chọn đà/TGĐ/GĐ |
| **Bước 5:** Đàm phán và thương thảo hợp đồng | Sau khi lựa chọn được đối tác cung cấp dịch vụ, BPQLKTT tiến hành đàm phán các điều kiện, điều khoản sửa chữa, hợp đồng để đảm bảo quyền lợi cho chủ tàu.  - Trường hợp đơn vị sửa chữa được lựa chọn nhưng từ chối thực hiện thì căn cứ vào điều kiện thực tế, sẽ cân nhắc chọn lại trong số những đơn vị sửa chữa đã báo giá hoặc thực hiện chào giá lại. (thực hiện lại từ bước 2 hoặc bước 4)  - Lập dự toán chi phí và hợp đồng với đối tác cung cấp dịch vụ, trình phê duyệt | BPQLKTT |
| **Bước 6:** Phê duyệt dự toán và ký hợp đồng sửa chữa. | Bộ hồ sơ dự toán chi phí sửa chữa bao gồm:   * Các yêu cầu sửa chữa. * Báo giá của các đơn vị sửa chữa hoặc các hồ sơ đơn vị sửa chữa từ chối thực hiện. * Các giao dịch trao đổi đàm phán giá và điều kiện thương mại như giảm giá, điều kiện thanh toán, thời gian sửa chữa, … (nếu có). | TGĐ/GĐ |
| **Bước 7:** Thực hiện sửa chữa trên đà. | - Gửi bản sao các hạng mục sửa chữa cho tàu để phối hợp thực hiện;  - Bố trí cán bộ kỹ thuật phối hợp với thuyền viên, đối tác sửa chữa, rà soát, thống nhất các hạng mục sửa chữa.  - Phân công thuyền viên thực hiện các công việc có thể tự làm để tiết kiệm chi phí sửa chữa;  - Cán bộ giám sát tại hiện trường phải thường xuyên báo cáo cập nhật tiến độ sửa chữa và các phát sinh liên quan gửi về cho BPQLKTT.  - Đàm phán với đối tác cung cấp dịch vụ đối với các hạng mục sửa chữa không có trong kế hoạch, hoặc phát sinh với khối lượng lớn.  - Sau khi hoàn thành các hạng mục sửa chữa, BPQLKTT thực hiện nghiệm thu công việc sửa chữa. Biên bản nghiệm thu phải có ký xác nhận của: đại diện cán bộ kỹ thuật theo dõi sửa chữa; đại diện tàu và đại diện đối tác cung cấp dịch vụ. | BPQLKTT & Thuyền viên |
| **Bước 8:** Lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt. | Sau khi hoàn tất công tác sửa chữa, BPQLKTT hoàn thiện hồ sơ quyết toán sửa chữa để trình TGĐ/GĐ phê duyệt bao gồm:  - Yêu cầu sửa chữa;  - Dự toán sửa chữa, dự toán bổ sung (nếu có);  - Biên bản khảo sát, biên bản khảo sát bổ sung (nếu có);  - Các báo giá và Biên bản so sánh;  - Biên bản nghiệm thu;  - Bản quyết toán;  - Thanh lý hợp đồng (nếu có);  - Hoá đơn tài chính. | BPQLKTT |
| **Bước 9:** Báo cáo tổng kết sửa chữa. | Sau khi kết thúc sửa chữa tàu, cán bộ theo dõi sửa chữa tàu lập báo cáo tổng kết sửa chữa bao gồm các nội dung sau:  - Các hạng mục sửa chữa và các hạng mục phát sinh lớn so với hạng mục đã được phê duyệt trước đó (nêu rõ lý do phát sinh);  - Tổng chi phí sửa chữa so với chi phí kế hoạch được duyệt đầu năm và giá trị hợp đồng đã ký;  - Thời gian thực hiện thực tế so với thời gian dự kiến trước đó (nêu rõ các nguyên nhân);  - Những tồn tại cần giải quyết trong quá trình khai thác hoặc tại kỳ lên đà tiếp theo;  - Đánh giá đơn vị cung cấp dịch vụ trong kỳ sửa chữa trên đà;  - Nhận xét, rút kinh nghiệm cho các đợt sửa chữa đà kỳ sau. | BPQLKTT, Thuyền viên & TGĐ/GĐ |

**VI. Ma trận trách nhiệm RACI & KPI quy trình sửa chữa lên đà**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước thực hiện** | | **TrưởngBPQLKTT** | **Thuyền trưởng** | **TGĐ/GĐ** | **KPI** |
| **TT** | **Hành động** |
| B1 | Lập kế hoạch lên đà | R | I | I | Trước 31/12 hàng năm |
| B2 | Khảo sát vàLập hạng mục sửa chữa, lập danh sách các đối tác cung cấp dịch vụ và gửi bản chào. | R | R |  | 15 ngày |
| B3 | Nhận báo giá sửa chữa tàu, rà soát, sàng lọc, lập báo cáo so sánh | R |  |  | 10 ngày |
| B4 | Lựa chọn đối tác cung cấp dịch vụ và trình TGĐ/GĐ. | R |  | A | 1 ngày |
| B5 | Đàm phán, lập hồ sơ dự toán chi phí sửa chữa tàu, xây dựng hợp đồng sửa chữa, trình phê duyệt | R |  |  | 10 ngày |
| B6 | Phê duyệt dự toán và ký hợp đồng sửa chữa. | C |  | A | 3 ngày |
| B7 | Thực hiện sửa chữa trên đà | R | R | I | T |
| B8 | Lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt | R |  | A | 7 ngày (sau khi hoàn thành sửa chữa) |
| B9 | Báo cáo tổng kết sửa chữa | R | R | I | 7 ngày (sau khi quyết toán các hạng mục sửa chữa) |
|  | *Ghi chú T: là số ngày sửa chữa thực tế của tàu* | | | | |

**VII. Rủi ro và kiểm soát quy trình lên đà**

| **Bước thực hiện** | | **Mối nguy** | **Rủi ro** | **Kiểm soát** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***TT*** | ***Nội dung*** |
| B1 | Lập kế hoạch lên đà | Tàu quá hạn đăng kiểm. | Tàu không đủ điều kiện đăng kiểm để hoạt động. | Cần ra soát để tàu lên đà đúng hạn đăng kiểm. |
| B2 | Khảo sát vàLập hạng mục sửa chữa, lập danh sách các đối tác cung cấp dịch vụ và gửi bản chào. | - Danh mục sửa chữa chưa đầy đủ;  - Đối tác cung cấp dịch vụ không đáp ứng được năng lực và yêu cầu sửa chữa | - Dự toán và thời gian sửa chữa không phù hợp.  - Chất lượng và tiến độ sửa chữa không đảm bảo. | - Tăng cường công tác khảo sát các hạng mục trước khi trình phê duyệt;  - Cần thường xuyên rà soát cập nhật tình trạng, năng lực và khả năng tiếp nhận tàu hiện có của đối tác cung cấp dịch vụ. |
| B3 | Nhận báo giá sửa chữa tàu, rà soát, sàng lọc, lập báo cáo so sánh | Báo cáo so sánh báo giá giữa đối tác cung cấp dịch vụ chưa đầy đủ và thiếu chính xác | Lựa chọn sai đối tác cung cấp dịch vụ | Rà soát kỹ các nội dung chào và đảm bảo bảng so sánh được đầy đủ, chính xác. |
| B4 | Lựa chọn đối tác cung cấp dịch vụ và trình TGĐ/GĐ. | Đối tác từ chối hợp tác cung cấp dịch vụ. | Ảnh hưởng kế hoạch đà và khai thác. | Thường xuyên trao đổi thông tin với đối tác. |
| B5 | Đàm phán, lập hồ sơ dự toán chi phí sửa chữa tàu, xây dựng hợp đồng sửa chữa, trình phê duyệt | - Đối tác không chấp nhận những yêu cầu đưa ra.  - Hồ sơ, hợp đồng không đầy đủ, rõ ràng. | - Đàm phán không đạt được kết quả như mong muốn.  - Dễ xảy ra tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng. | - Cử cán bộ đàm phán phải có năng lực.  - Tăng cường việc rà soát kỹ các điều khoản trong hợp đồng. |
| B6 | Phê duyệt dự toán và ký hợp đồng sửa chữa. | Dự toán không được phê duyệt | Ảnh hưởng đến kế hoạch lên đà | Rà soát, đảm bảo dự toán và hợp đồng đáp ứng yêu cầu của lãnh đạo. |
| B7 | Thực hiện sửa chữa trên đà | - Thời gian sửa chữa trên đà kéo dài hơn so với kế hoạch.  - Bỏ sót các hạng mục sửa chữa.  - Chất lượng sửa chữa không đảm bảo. | - Nhỡ kế hoạch khai thác và phát sinh chi phí.  - Ảnh hưởng đến an toàn và hiệu quả khai thác. | - Cán bộ giám sát cần bám sát kế hoạch, hạng mục, tiến độ sửa chữa đôn đốc nhà máy thực hiện.  - Liên tục rà soát các hạng mục sửa chữa và cập nhật tiến độ công việc sửa chữa. |
| B8 | Lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt | Lập hồ sơ không đầy đủ, thiếu chính xác. | Thời gian quyết toán kéo dài, ảnh hưởng đến uy tín và hợp tác của hai bên. | Rà soát kỹ hồ sơ quyết toán, cử cán bộ có năng lực, trách nhiệm hỗ trợ quyết toán. |
| B9 | Báo cáo tổng kết sửa chữa | Chậm trễ báo cáo, báo cáo không đầy đủ. | Không đánh giá kịp thời, đầy đủ để có những bài học rút kinh nghiệm cho những lần sửa chữa sau. | Đôn đốc cán bộ kỹ thuật bám sát thực tế và lập báo cáo ngay khi hoàn tất quá trình sửa chữa theo quy định. |

VIII. Hồ sơ lưu:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên hồ sơ lưu** | **Người lưu** | **Nơi lưu** | **Thời gian lưu** |
| 1 | Hồ sơ sửa chữa tàu lên đà | Cán bộ kỹ thuật được phân công | BPQLKTT | Trong 05 năm |

IX. Biểu mẫu:

| **TT** | **Tên biểu mẫu** | **Mã hiệu** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Kế hoạch lên đà hang năm | BM.01-KHHN |
| 2 | Danh mục sửa chữa | BM.02-HMSC |
| 3 | Báo cáo so sánh | BM.03-BCSS |

**X. Phụ lục và Hướng dẫn**

Các quy định chi tiết về sửa chữa tàu